

**CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI & DỊCH VỤ VẬN TẢI HUY PHONG**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI & DỊCH VỤ VẬN TẢI HUY PHONG

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0109678516

**3. Ngày thành lập:** 22/06/2021

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Thôn Vệ Linh, Xã Phù Linh, Huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0966201182 / 0335288833

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                            | Mã ngành |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống                                               | 4620     |
| 2.  | Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ                                                                       | 4631     |
| 3.  | Bán buôn thực phẩm                                                                                                   | 4632     |
| 4.  | Bán buôn đồ uống                                                                                                     | 4633     |
| 5.  | Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc lào                                                                                | 4634     |
| 6.  | Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép                                                                                 | 4641     |
| 7.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (trừ bán buôn dược phẩm)                                                          | 4649     |
| 8.  | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                  | 4651     |
| 9.  | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                   | 4652     |
| 10. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp                                                               | 4653     |
| 11. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác                                                                      | 4659     |
| 12. | Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan                                                         | 4661     |
| 13. | Bán buôn kim loại và quặng kim loại (trừ bán buôn vàng miếng)                                                        | 4662     |
| 14. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                              | 4663     |
| 15. | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu                                                                    | 4669     |
| 16. | Bán buôn tổng hợp (trừ hoạt động đấu giá)                                                                            | 4690     |
| 17. | Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lào chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp | 4711     |
| 18. | Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp                                                                   | 4719     |
| 19. | Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                    | 4721     |
| 20. | Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                     | 4722     |

|     |                                                                                                                                                                         |      |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 21. | Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                          | 4723 |
| 22. | Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc lào trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                     | 4724 |
| 23. | Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                               | 4730 |
| 24. | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                  | 4741 |
| 25. | Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                               | 4742 |
| 26. | Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                         | 4751 |
| 27. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                    | 4752 |
| 28. | Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                             | 4753 |
| 29. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh | 4759 |
| 30. | Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                | 4761 |
| 31. | Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                              | 4762 |
| 32. | Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                              | 4763 |
| 33. | Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                | 4764 |
| 34. | Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                        | 4771 |
| 35. | Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                 | 4772 |
| 36. | Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ bán lẻ vàng miếng, súng, đạn, tem và tiền kim khí)                                                        | 4773 |
| 37. | Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh (trừ hoạt động đấu giá)                                                                                  | 4774 |
| 38. | Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lào lưu động hoặc tại chợ                                                                                        | 4781 |
| 39. | Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ                                                                                                                | 4782 |
| 40. | Bán lẻ thiết bị công nghệ thông tin liên lạc lưu động hoặc tại chợ                                                                                                      | 4783 |
| 41. | Bán lẻ thiết bị gia đình khác lưu động hoặc tại chợ                                                                                                                     | 4784 |
| 42. | Bán lẻ hàng văn hóa, giải trí lưu động hoặc tại chợ                                                                                                                     | 4785 |
| 43. | Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ (trừ hoạt động đấu giá)                                                                                                      | 4789 |
| 44. | Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (trừ hoạt động đấu giá)                                                                                         | 4791 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                  |             |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 45. | Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu (trừ hoạt động đầu giá)                                                                                                                                                                                             | 4799        |
| 46. | Vận tải hành khách đường bộ khác                                                                                                                                                                                                                                 | 4932        |
| 47. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                                                                                                                                                   | 4933(Chính) |
| 48. | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa                                                                                                                                                                                                                                      | 5210        |
| 49. | Bốc xếp hàng hóa                                                                                                                                                                                                                                                 | 5224        |
| 50. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ                                                                                                                                                                                                          | 5225        |
| 51. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (Trừ Tổ chức các hoạt động vận tải đường hàng không và hoa tiêu)                                                                                                                                             | 5229        |
| 52. | Chuyển phát<br>Chi tiết:<br>- Nhận, phân loại, vận chuyển và phân phối trong nước thư, bưu phẩm, bưu kiện của các doanh nghiệp không hoạt động theo giao ước dịch vụ chung.<br>- Phân phối và phân phát thư, bưu phẩm, bưu kiện.<br>- Dịch vụ giao hàng tận nhà. | 5320        |

**6. Vốn điều lệ:** 2.000.000.000 VNĐ

**7. Thông tin về chủ sở hữu:**

Họ và tên: \_\_\_\_\_ Giới tính: \_\_\_\_\_  
 Sinh ngày: \_\_\_\_\_ Dân tộc: \_\_\_\_\_ Quốc tịch: \_\_\_\_\_  
 Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: \_\_\_\_\_  
 Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: \_\_\_\_\_  
 Ngày cấp: \_\_\_\_\_ Nơi cấp: \_\_\_\_\_  
 Địa chỉ thường trú: \_\_\_\_\_  
 Địa chỉ liên lạc: \_\_\_\_\_

**8. Người đại diện theo pháp luật:**

\* Họ và tên: NGUYỄN MINH HẢI Giới tính: Nam  
 Chức danh: Giám đốc  
 Sinh ngày: 09/10/1977 Dân tộc: Kinh Quốc tịch: Việt Nam  
 Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân  
 Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001077016365  
 Ngày cấp: 04/08/2017 Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư  
 Địa chỉ thường trú: Thôn Vệ Linh, Xã Phù Linh, Huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội, Việt Nam  
 Địa chỉ liên lạc: Thôn Vệ Linh, Xã Phù Linh, Huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội

Thời gian đăng từ ngày 22/06/2021 đến ngày 22/07/2021

